

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết ban hành các Quy định về một số nội dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội; bồi dưỡng các lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự, hỗ trợ tại các sự kiện; hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng
Khoá X, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 15

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành các Quy định về một số nội dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội; bồi dưỡng các lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự, hỗ trợ tại các sự kiện; hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Tại Công văn số 169/HĐND-KTNS ngày 07/7/2023 của Thường trực HĐND thành phố về giao, phân cấp quyết định thực hiện một số nội dung trong quản lý điều hành ngân sách, trong đó có đề nghị UBND thành phố tiếp tục chỉ đạo rà soát tổng thể các nội dung chi, mức chi mang tính chất thường xuyên, liên tục, thực hiện hàng năm (hiện nay chưa được HĐND thành phố ban hành Nghị quyết quy định) để xây dựng dự thảo Nghị quyết trình HĐND thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền tại kỳ họp cuối năm 2023 để làm cơ sở triển khai thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Tại Công văn số 189/HĐND-KTNS ngày 24/7/2023 của Thường trực HĐND thành phố về điều chỉnh, bổ sung dự toán kinh phí 06 tháng đầu năm 2023, trong đó đề nghị UBND thành phố rà soát trình HĐND thành phố xem xét, quyết định đối với các định mức chi mang tính chất thường xuyên chưa được HĐND thành phố ban hành định mức (nếu có) làm cơ sở để thực hiện theo quy định.

Tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của HĐND thành phố về nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2023, trong đó có đề nghị UBND thành phố tiếp tục chỉ đạo khẩn trương rà soát tổng thể chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách mang tính chất đặc thù, thường xuyên, liên tục, thực hiện hàng năm (hiện nay chưa được HĐND thành phố quy định) để xây dựng dự thảo Nghị quyết trình HĐND thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền tại kỳ họp cuối năm 2023 để làm cơ sở triển khai thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, trong đó có quy định:

- HĐND thành phố quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương (điểm h khoản 9 Điều 30).

- Về nguyên tắc chi ngân sách: Các khoản chi ngân sách chỉ được thực hiện khi có dự toán được cấp có thẩm quyền giao và phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định (khoản 4 Điều 8).

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của HĐND thành phố và Thường trực HĐND thành phố tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 19/7/2023, Công văn số 169/HĐND-KTNS ngày 07/7/2023 và Công văn số 189/HĐND-KTNS ngày 24/7/2023, UBND thành phố đã giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu UBND thành phố trình HĐND thành phố xem xét, quyết định đảm bảo theo đúng quy định. Theo đó, một số nội dung, mức chi mang tính chất thường xuyên, liên tục, thực hiện hàng năm (hiện nay chưa được HĐND thành phố ban hành Nghị quyết quy định), cụ thể:

1. Về chi xây dựng các Đề án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Ngày 25/10/2021, UBND thành phố có Công văn số 7170/UBND-STC hướng dẫn về quy trình xây dựng Đề án, dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Theo đó, trong thời gian qua, trên cơ sở đề nghị của các ngành và ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố đã phê duyệt danh mục đề án, dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố. Về cơ bản, các Đề án này mang tính chất đặc thù nhằm thực hiện các nhiệm vụ theo lĩnh vực, ngành, phục vụ công tác quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố, triển khai các quy hoạch của thành phố thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chương trình, kế hoạch từng lĩnh vực ngành hàng năm hoặc theo giai đoạn phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Trong giai đoạn 2021-2022, trên cơ sở đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố đã phê duyệt danh mục 106 đề án, dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố. Trên cơ sở danh mục Đề án được phê duyệt của UBND thành phố, các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ xây dựng Đề án sẽ thực hiện xây dựng đề cương chi tiết và dự toán kinh phí xây dựng Đề án.

Tuy nhiên, trong quá trình lập đề cương và dự toán kinh phí xây dựng Đề án bên cạnh áp dụng các chế độ, tiêu chuẩn định mức chi ngân sách đã được quy định tại các văn bản pháp luật của Trung ương và địa phương đối với các nội dung liên quan đến chế độ công tác phí, tổ chức hội thảo, khảo sát... các đơn vị đã vận dụng Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND thành phố ban hành quy định về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng để

xây dựng dự toán kinh phí đối với một số nội dung như chi nghiên cứu, xây dựng các chuyên đề, báo cáo; chi thù lao tham gia hội thảo, diễn đàn, tọa đàm; chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ, chương trình, đề án. Tuy nhiên, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 51/2023/QĐ-UBND ngày 25/11/2023 về việc bãi bỏ Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 về việc ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Mặt khác, HĐND thành phố đã ban hành Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 21/9/2023 của HĐND thành phố quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, việc xây dựng các Đề án phát triển kinh tế - xã hội không phải là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nên không thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND.

Do đó, việc quy định nội dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố là cần thiết.

2. Về chi bồi dưỡng các lực lượng tham gia bảo đảm an ninh trật tự, hỗ trợ phục vụ tại các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội và các sự kiện khác trên địa bàn thành phố

Thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chương trình số 39-CTr/TU ngày 31/01/2020 của Thành ủy Đà Nẵng về Xây dựng, phát triển Đà Nẵng thành trung tâm văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế chuyên sâu, chất lượng cao gắn với thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, hướng đến xây dựng “Thành phố đáng sống”, hàng năm UBND thành phố ban hành các Kế hoạch, Chương trình, Đề án để làm cơ sở cho các ngành triển khai thực hiện (như Đề án tổ chức các sự kiện, lễ hội văn hóa đặc sắc hàng năm gắn với thiết lập chuỗi sự kiện, văn hóa lễ hội về đêm của thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2022-2026, Đề án phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Chương trình phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng hàng năm...). Theo đó, hàng năm có rất nhiều hoạt động sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội và các sự kiện khác đã được tổ chức theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền với sự tham gia, phối hợp của nhiều lực lượng (như công an, bộ đội, y tế, tình nguyện viên,...).

Để đảm bảo hài hòa về lợi ích, chế độ quy định đối với lực lượng tham gia bảo đảm an ninh trật tự, hỗ trợ phục vụ tại các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội và các sự kiện khác trên địa bàn thành phố, căn cứ Kế hoạch của UBND thành phố, các Sở, ngành, địa phương được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức sự kiện đã vận dụng quy định về phụ cấp lưu trú tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính¹ để quyết định mức chi hỗ trợ cho các lực lượng nêu

¹ Trường hợp đi công tác trong ngày (đi và về trong ngày) thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức phụ cấp lưu trú theo các tiêu chí: Căn cứ theo số giờ thực tế đi công tác trong ngày, theo thời gian phải làm ngoài giờ hành chính (bao gồm cả thời gian đi trên đường), quãng đường đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị

trên từ nguồn dự toán giao hàng năm cho đơn vị (dao động từ 100.000 đồng/người đến 200.000 đồng/người) hoặc áp dụng quy định của pháp luật về làm thêm giờ để chi hỗ trợ. Ngoài ra, đối với một số sự kiện phát sinh ngoài kế hoạch của thành phố, UBND thành phố sẽ phê duyệt mức hỗ trợ 100.000 đồng/người.

Hiện nay, nguồn kinh phí chi trả chế độ làm thêm giờ cho người lao động (trừ lực lượng công an, quân đội) được thực hiện từ nguồn kinh phí chi thường xuyên giao hàng năm cho các cơ quan, đơn vị (Kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ do Thủ trưởng cơ quan thực hiện chế độ tự chủ tự quyết định và được quyền điều chỉnh giữa các mục chi nếu xét thấy cần thiết theo quy định của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ). Dự toán kinh phí chi thường xuyên hàng năm được bố trí trên cơ sở chỉ tiêu số lượng người làm việc được cơ quan có thẩm quyền giao hàng năm và định mức chi khác theo quy định tại Nghị quyết số 66/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND thành phố. Đồng thời, Nghị quyết số 66/2022/NQ-HĐND quy định định mức chi khác bao gồm các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan (khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; cải cách thủ tục hành chính, ISO; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan, kinh phí hoạt động lực lượng tự vệ....), các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hằng năm, kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn (kể cả bảo trì, gia hạn phần mềm).

Tuy nhiên, việc huy động lực lượng tham gia hỗ trợ tại các sự kiện lớn của thành phố phát sinh theo thời điểm, mang tính chất không thường xuyên sẽ không được xem là khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan, đơn vị, do đó không thể yêu cầu tất cả đơn vị thực hiện chi trả làm thêm giờ từ nguồn kinh phí tự chủ được giao hàng năm của đơn vị đó. Trên thực tế có một số đơn vị không thực hiện chi trả làm thêm ngoài giờ trong trường hợp nguồn kinh phí tự chủ của đơn vị đã được sử dụng để chi trả các khoản chi thường xuyên theo quy định nêu trên.

Do đó, việc quy định chi bồi dưỡng các lực lượng tham gia bảo đảm an ninh trật tự, hỗ trợ phục vụ tại các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội và các sự kiện khác trên địa bàn thành phố là cần thiết.

3. Về chi hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã khi sinh con

Theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ quy định “Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.” Đến ngày 24/4/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 34/2019/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, trong đó quy định “ngân sách nhà nước thực hiện khoản quỹ phụ cấp, bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã”.

Mặc dù người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo Khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội và Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ (nay được thay thế bằng Nghị định số 33/2023/NĐ-CP) nhưng đối tượng này không được hưởng chế độ thai sản và ốm đau theo quy định tại Điều 24 và Điều 30 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Đồng thời, Điều 85 Luật Bảo hiểm xã hội 2014 quy định người hoạt động không chuyên trách tại xã, phường, thị trấn hàng tháng chỉ đóng bảo hiểm xã hội bằng 8% mức lương cơ sở vào quỹ hưu trí, tử tuất và chỉ được hưởng chế độ hưu trí, tử tuất, không được hưởng chế độ thai sản, chế độ ốm đau, chế độ tai nạn - bệnh nghề nghiệp.

Ngoài ra, đối với cán bộ công chức nữ, theo Luật BHXH ngoài chế độ được hưởng nghỉ thai sản theo quy định thì theo Điều 38, được trợ cấp một lần cho mỗi con bằng 02 lần mức lương cơ sở tại tháng lao động nữ sinh con. Tuy nhiên, người hoạt động không chuyên trách tại phường, xã không được hưởng chế độ này; với mức phụ cấp hàng tháng hiện nay, đời sống của đội ngũ cán bộ này rất khó khăn, khi nghỉ thai sản nguồn thu nhập không đáp ứng nhu cầu của cuộc sống gia đình,...

Để đảm bảo hài hòa lợi ích của người lao động, giải quyết bức xúc của cán bộ không chuyên trách là nữ khi nghỉ thai sản; ngày 06/6/2017, UBND thành phố có Công văn số 4201/UBND-SNV về việc thực hiện chế độ bảo hiểm đối với người hoạt động không chuyên trách phường, xã và công an viên ở thôn; trong đó, thống nhất chủ trương sử dụng khoản ngân sách địa phương tương ứng với 4% mức đóng hàng tháng của tổng số người hoạt động không chuyên trách phường, xã để hỗ trợ chế độ thai sản cho các đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã; giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội thành phố, Sở Nội vụ, UBND các quận, huyện thực hiện đúng chủ trương trên. Theo đó, trên cơ sở ý kiến của Bảo hiểm xã hội thành phố, Sở Nội vụ và Sở Tài chính, UBND thành phố có Công văn số 5435/UBND-STC ngày 18/7/2017 thống nhất chủ trương hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường xã khi sinh con với mức hỗ trợ là 08 tháng lương cơ sở kể từ tháng 8 năm 2017 (trong đó có hỗ trợ thêm 02 lần mức lương cơ sở để trợ cấp một lần khi sinh con đối với đối tượng này như đối với cán bộ công chức nữ). Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách này không còn đảm bảo về thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước do đó việc trình HĐND thành phố quyết định là cần thiết.

Từ phân tích nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết ban hành các Quy định về một số nội dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội; bồi dưỡng các lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự, hỗ trợ tại các sự kiện; hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là cần thiết.

II. CĂN CỨ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

2. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

3. Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

4. Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Ban hành các Quy định về một số nội dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội; bồi dưỡng các lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự, hỗ trợ tại các sự kiện; hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

2. Quan điểm

Việc xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành, và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước. Trong đó:

a) Các nội dung và mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội được xây dựng trên cơ sở vận dụng nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở quy định tại Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 21/9/2023 của HĐND thành phố quy định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; vận dụng hệ số tiền công và công thức tính dự toán chi thù lao đối với các chức danh thực hiện nhiệm vụ quy định tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Mức chi bồi dưỡng các lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự, hỗ trợ tại các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội và các sự kiện khác trên địa bàn thành phố và mức chi hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được xây dựng trên cơ sở các mức chi thực tế đã thực hiện trong các năm qua theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền và khả năng cân đối ngân sách nhưng chưa được HĐND thành phố quy định.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân thành phố đã thực hiện đúng quy trình quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đăng tải trên trang thông tin điện tử và lấy ý kiến bằng văn bản của các sở, ngành có liên quan; tổng hợp ý kiến góp ý, thẩm định hoàn thiện dự thảo Nghị quyết) và đã được Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố đã chấp

thuận chủ trương xây dựng Nghị quyết tại Công văn số 323/HĐND-KTNS ngày 29/11/2023.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết được gồm 3 Điều được bố cục như sau

Điều 1: Ban hành các Quy định về một số nội dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội; bồi dưỡng các lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự, hỗ trợ tại các sự kiện; hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể:

1. Quy định một số nội dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Quy định số 01).
2. Quy định nội dung, mức chi bồi dưỡng các lực lượng tham gia bảo đảm an ninh trật tự, hỗ trợ phục vụ tại các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội và các sự kiện khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Quy định số 02).
3. Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã khi sinh con (Quy định số 03).

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2023
2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Nguồn lực thực hiện: Bao gồm nguồn ngân sách nhà nước bố trí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; các nguồn tài trợ, hỗ trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

2. Dự toán kinh phí thực hiện hàng năm

a) Đối với kinh phí xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng: Trong giai đoạn 2021-2022, trên cơ sở đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố đã phê duyệt danh mục 106 đề án, dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố. Trên cơ sở danh mục Đề án được phê duyệt của UBND thành phố, các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ xây dựng Đề án sẽ thực hiện xây dựng đề cương chi tiết và dự toán kinh phí xây dựng Đề án (Tổng kinh phí Đề án đã được phê duyệt giai đoạn 2021-2022 là 22.107 triệu đồng/40 Đề án, trung bình 500 triệu đồng/Đề án).

Hiện nay, chưa tính toán được tổng chi phí dự kiến bảo đảm thực hiện chính sách hàng năm do số lượng Đề án được phê duyệt hàng năm không cố định và dự toán kinh phí xây dựng Đề án thay đổi tùy theo tính chất quy mô phức tạp của Đề án. Tuy nhiên, kinh phí xây dựng Đề án sẽ giảm do tiết kiệm được chi phí đối với một số nội dung chi (như chi nghiên cứu, xây dựng các chuyên đề, báo cáo; chi thuê chuyên gia tư vấn...do trước đây vận dụng theo mức chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố) và được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo quy định tùy vào khả năng cân đối ngân sách. Do đó, vẫn đảm bảo được nguồn lực thực hiện chính sách ngay khi ban hành và đảm bảo giới hạn phần kinh phí ngân sách thành phố thành phố phải chi để thực hiện Đề án.

b) Đối với kinh phí bồi dưỡng các lực lượng tham gia bảo đảm an ninh trật tự, hỗ trợ phục vụ tại các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội và các sự kiện khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng: Hiện nay, chưa tính toán được tổng chi phí dự kiến bảo đảm thực hiện chính sách do không ước tính được số lượng sự kiện tổ chức hàng năm và số lượng người được huy động tham gia hỗ trợ phụ thuộc vào tính chất, quy mô của từng sự kiện. Tuy nhiên, kinh phí chi hỗ trợ cho các đối tượng này sẽ được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo quy định tùy vào khả năng cân đối ngân sách. Do đó, vẫn đảm bảo được nguồn lực thực hiện chính sách ngay khi ban hành và tạo hành lang pháp lý cho các đơn vị triển khai thống nhất.

b) Đối với kinh phí hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã khi sinh con: Hiện nay, chưa tính toán được tổng chi phí dự kiến bảo đảm thực hiện chính sách do không thể ước tính được số lượng người sinh con. Tuy nhiên, chi phí phát sinh hàng năm sẽ không quá lớn (năm 2023: 156 triệu đồng).

Sau khi HĐND thành phố thông qua, UBND thành phố chỉ đạo Sở Tài chính và các đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ 15 xem xét, quyết định./

Nơi nhận: 

- Đại biểu HĐND thành phố khóa X;
- TT HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Chủ tịch và các Phó CT UBND thành phố;
- Các Ủy viên UBND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- Lưu: VT, STC.

20/11 + 10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Kỳ Minh

QUY ĐỊNH SỐ 01
MỘT SỐ NỘI DUNG, MỨC CHI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của
Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định một số nội dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội (sau đây viết tắt là Đề án), có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.
2. Những nội dung khác làm căn cứ để xây dựng dự toán của Đề án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố không quy định tại văn bản này được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành của nhà nước có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.
2. Đơn vị sự nghiệp, các hội đặc thù và các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.
3. Các tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Chức danh thực hiện xây dựng Đề án là người trực tiếp thực hiện các nội dung nghiên cứu, xây dựng các chuyên đề, báo cáo trong Đề án bao gồm: chủ nhiệm; thư ký; thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.
2. Nhóm chức danh thực hiện xây dựng Đề án (sau đây viết tắt là nhóm chức danh) là tập hợp các cá nhân có cùng chức danh để thực hiện nội dung nghiên cứu, xây dựng các chuyên đề, báo cáo trong Đề án.
3. Chuyên gia tư vấn (bao gồm chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước) là người có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu hoặc làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc cơ quan quản lý Đề án yêu cầu thực hiện.

Điều 4. Chức danh thực hiện Đề án

1. Chủ nhiệm Đề án là người chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý Đề án trong việc: xây dựng thuyết minh nhiệm vụ; quản lý chung, phân công, điều phối việc thực hiện toàn bộ nội dung nghiên cứu trong Đề án; đánh giá kết quả thực hiện các nội dung nghiên cứu của Đề án; xây dựng báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý Đề án, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện xây dựng Đề án. Mỗi Đề án chỉ có một chủ nhiệm Đề án.
2. Thư ký là người hỗ trợ chủ nhiệm Đề án quản lý, tổ chức thực hiện xây dựng Đề án bao gồm việc: hỗ trợ theo dõi đôn đốc tiến độ triển khai xây dựng Đề án; hỗ trợ xây dựng các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý Đề án, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện xây dựng Đề án; hỗ trợ công tác thanh quyết

toán kinh phí thực hiện xây dựng Đề án và các công việc hỗ trợ khác theo phân công của chủ nhiệm Đề án. Mỗi Đề án chỉ có một thư ký.

3. Thành viên chính là cá nhân được chủ nhiệm Đề án phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của Đề án. Trong một Đề án có nhiều nội dung nghiên cứu. Mỗi nội dung được chủ trì thực hiện bởi tối đa một thành viên chính.

4. Thành viên thực hiện xây dựng Đề án là cá nhân được chủ nhiệm Đề án phân công tham gia thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu của Đề án.

5. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ là người được chủ nhiệm Đề án bố trí thực hiện các thao tác kỹ thuật hoặc hoạt động hỗ trợ nghiên cứu để phục vụ thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu theo thuyết minh Đề án.

Điều 5. Nội dung và mức chi

1. Chi nghiên cứu, xây dựng các chuyên đề, báo cáo

a) Chi tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện xây dựng Đề án: Tiền thù lao được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện xây dựng Đề án. Trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện xây dựng Đề án không đủ một tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của số ngày tham gia thực hiện xây dựng Đề án của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng. Mức thù lao ngày được tính trên cơ sở mức thù lao của một tháng chia cho 22 ngày. Trong đó:

- Hệ số lao động theo ngày cho các chức danh thực hiện xây dựng Đề án (cơ sở tính tiền công lao động trực tiếp)

STT	Chức danh	Hệ số lao động (H_{CD})
1	Chủ nhiệm	1,0
2	Thư ký	0,3
3	Thành viên chính	0,8
4	Thành viên	0,4
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp cho các chức danh chủ nhiệm, thư ký, thành viên chính, thành viên)	0,2

Một cá nhân có thể tham gia nhiều nội dung, công việc nghiên cứu với các chức danh khác nhau. Thù lao của cá nhân trong nội dung, công việc nghiên cứu được tính theo hệ số lao động của chức danh tương ứng và thời gian cá nhân thực hiện nội dung, công việc nghiên cứu đó.

- Định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm thực hiện xây dựng Đề án (DMCN) tối đa không quá 20 triệu đồng/người/tháng; mức chi thù lao của các

chức danh hoặc nhóm chức danh khác tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm Đề án.

- Dự toán chi thù lao tham gia xây dựng Đề án của các chức danh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 4 Quy định này được tính theo công thức sau:

+ Đối với chủ nhiệm và thư ký Đề án: $TL_{CN/TK} = H_{CD} \times DM_{CN} \times 20\% \times T$

Trong đó:

H_{CD} : Hệ số lao động theo ngày cho các chức danh thực hiện xây dựng Đề án.

DM_{CN} : Định mức chi thù lao đối với chức danh thực hiện xây dựng Đề án.

T: Tổng thời gian thực hiện xây dựng Đề án (tháng)

+ Đối với nhóm chức danh còn lại: $TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times \Sigma t_{NCD}$

Trong đó:

H_{CD} : Hệ số lao động theo ngày cho nhóm chức danh thực hiện xây dựng Đề án

DM_{CD} : Định mức chi thù lao đối với nhóm chức danh thực hiện xây dựng Đề án

Σt_{NCD} : Tổng số tháng quy đổi tham gia thực hiện xây dựng Đề án của nhóm chức danh.

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện xây dựng Đề án (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày). Tổng dự toán kinh phí thực hiện không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện xây dựng Đề án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quy định này.

2. Chi thuê chuyên gia tư vấn (trong trường hợp cần thiết):

a) Chuyên gia tư vấn trong nước: Tổng dự toán kinh phí thực hiện không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh và thuê lao động thực hiện xây dựng Đề án quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này.

b) Chuyên gia tư vấn nước ngoài: Tổng dự toán kinh phí thực hiện không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh và thuê lao động thực hiện xây dựng Đề án quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này.

3. Chi thù lao tham gia hội thảo, diễn đàn, tọa đàm

a) Người chủ trì: 1.000.000 đồng/buổi.

b) Thư ký: 250.000 đồng/buổi.

c) Báo cáo viên trình bày hội thảo, tọa đàm, diễn đàn: 1.500.000 đồng/báo cáo.

d) Báo cáo được cơ quan tổ chức hội thảo, tọa đàm đề nghị viết nhưng không trình bày tại hội thảo: 750.000 đồng/báo cáo.

đ) Thành viên tham gia: 150.000 đồng/thành viên/buổi.

4. Chi đánh giá, nghiệm thu chính thức Đề án

a) Chi họp Hội đồng nghiệm thu

- Chủ tịch Hội đồng: 900.000 đồng/người/Đề án.

- Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng: 750.000 đồng/người/Đề án.

- Thư ký: 150.000 đồng/người/Đề án.

- Đại biểu được mời tham dự: 100.000 đồng/người/Đề án.

b) Chi nhận xét đánh giá

- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng: 350.000 đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá.

- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng: 500.000 đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm phê duyệt danh mục và khái toán kinh phí xây dựng Đề án phát triển kinh tế xã hội của thành phố, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách, làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện xây dựng đề cương chi tiết và dự toán kinh phí lập Đề án trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Đối với Văn phòng Thành ủy và các Ban thuộc Thành ủy Đà Nẵng, Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố và các Ban thuộc Hội đồng nhân dân thành phố khi xây dựng Đề án, ngoài việc thực hiện theo các quy định của Trung ương Đảng, Thành ủy và Hội đồng nhân dân thành phố, có thể áp dụng nội dung, mức chi quy định tại Nghị quyết này để thực hiện xây dựng Đề án phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

QUY ĐỊNH SỐ 02
NỘI DUNG, MỨC CHI BỒI DƯỠNG CHO LỰC LƯỢNG THAM GIA
BẢO ĐẢM AN NINH TRẬT TỰ, HỖ TRỢ PHỤC VỤ TẠI CÁC SỰ KIỆN
CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA, XÃ HỘI VÀ CÁC SỰ KIỆN KHÁC
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của
Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung, mức chi bồi dưỡng cho lực lượng tham gia bảo đảm an ninh trật tự, hỗ trợ phục vụ tại các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội và các sự kiện khác (sau đây gọi tắt là sự kiện của thành phố) trên địa bàn thành phố theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Lực lượng công an, quân đội và các lực lượng phối hợp khác không hưởng lương ngân sách nhà nước.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Điều 3. Nội dung, mức chi

1. Nội dung chi: Chi bồi dưỡng cho lực lượng tham gia bảo đảm an ninh trật tự, hỗ trợ phục vụ tại các sự kiện của thành phố theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

2. Mức chi: 100.000 đồng/người/ngày.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước bố trí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức chi bồi dưỡng đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ và không trùng lặp giữa các cấp ngân sách.

QUY ĐỊNH SỐ 03
NỘI DUNG, MỨC CHI HỖ TRỢ CHẾ ĐỘ THAI SẢN CHO ĐỐI TƯỢNG
NỮ LÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH PHƯỜNG, XÃ
KHI SINH CON

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của
Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã có thời gian làm việc từ đủ 01 năm trở lên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã có thời gian làm việc từ đủ 01 năm trở lên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Nội dung, mức chi

1. Nội dung chi: Chi hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã có thời gian làm việc từ đủ 01 năm trở lên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Mức chi: 08 tháng lương cơ sở.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước bố trí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: /2023/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày tháng 12 năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành các Quy định về một số nội dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội; bồi dưỡng các lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự, hỗ trợ tại các sự kiện; hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHOÁ X, NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành các quy định về một số nội dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế xã hội; bồi dưỡng các lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự, hỗ trợ tại các sự kiện; hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày tháng năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Ban hành các Quy định về một số nội dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội; bồi dưỡng các lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự, hỗ trợ tại các sự kiện; hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể:

1. Quy định một số nội dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Quy định số 01).

2. Quy định nội dung, mức chi bồi dưỡng các lực lượng tham gia bảo đảm an ninh trật tự, hỗ trợ phục vụ tại các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội và các sự kiện khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Quy định số 02).

3. Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã khi sinh con (Quy định số 03).

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2023

2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết ngày được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày tháng năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Vụ Pháp chế: Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB QPPL-Bộ Tư pháp;
- Ban thường vụ Thành ủy;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy;
- UBND TP, UBMTTQVN thành phố, Đoàn ĐBQH thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN các quận, huyện;
- HĐND, UBND phường, xã;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Báo Đà Nẵng, Đài PT-TH Đà Nẵng, Trung tâm THVN (VTV8);
- Lưu: VT, TH

QUY ĐỊNH SỐ 01
MỘT SỐ NỘI DUNG, MỨC CHI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm
2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định một số nội dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội (sau đây viết tắt là Đề án), có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.
2. Những nội dung khác làm căn cứ để xây dựng dự toán của Đề án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố không quy định tại văn bản này được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành của nhà nước có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.
2. Đơn vị sự nghiệp, các hội đặc thù và các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.
3. Các tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Chức danh thực hiện xây dựng Đề án là người trực tiếp thực hiện các nội dung nghiên cứu, xây dựng các chuyên đề, báo cáo trong Đề án bao gồm: chủ nhiệm; thư ký; thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.
2. Nhóm chức danh thực hiện xây dựng Đề án (sau đây viết tắt là nhóm chức danh) là tập hợp các cá nhân có cùng chức danh để thực hiện nội dung nghiên cứu, xây dựng các chuyên đề, báo cáo trong Đề án.
3. Chuyên gia tư vấn (bao gồm chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước) là người có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu hoặc làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc cơ quan quản lý Đề án yêu cầu thực hiện.

Điều 4. Chức danh thực hiện Đề án

1. Chủ nhiệm Đề án là người chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý Đề án trong việc: xây dựng thuyết minh nhiệm vụ; quản lý chung, phân công, điều phối việc thực hiện toàn bộ nội dung nghiên cứu trong Đề án; đánh giá kết quả thực hiện các nội dung nghiên cứu của Đề án; xây dựng báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý Đề án, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện xây dựng Đề án. Mỗi Đề án chỉ có một chủ nhiệm Đề án.
2. Thư ký là người hỗ trợ chủ nhiệm Đề án quản lý, tổ chức thực hiện xây dựng Đề án bao gồm việc: hỗ trợ theo dõi đôn đốc tiến độ triển khai xây dựng Đề án; hỗ trợ xây dựng các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý Đề án, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện xây dựng Đề án; hỗ trợ công tác

thanh quyết toán kinh phí thực hiện xây dựng Đề án và các công việc hỗ trợ khác theo phân công của chủ nhiệm Đề án. Mỗi Đề án chỉ có một thư ký.

3. Thành viên chính là cá nhân được chủ nhiệm Đề án phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của Đề án. Trong một Đề án có nhiều nội dung nghiên cứu. Mỗi nội dung được chủ trì thực hiện bởi tối đa một thành viên chính.

4. Thành viên thực hiện xây dựng Đề án là cá nhân được chủ nhiệm Đề án phân công tham gia thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu của Đề án.

5. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ là người được chủ nhiệm Đề án bố trí thực hiện các thao tác kỹ thuật hoặc hoạt động hỗ trợ nghiên cứu để phục vụ thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu theo thuyết minh Đề án.

Điều 5. Nội dung và mức chi

1. Chi nghiên cứu, xây dựng các chuyên đề, báo cáo

a) Chi tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện xây dựng Đề án: Tiền thù lao được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện xây dựng Đề án. Trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện xây dựng Đề án không đủ một tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của số ngày tham gia thực hiện xây dựng Đề án của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng. Mức thù lao ngày được tính trên cơ sở mức thù lao của một tháng chia cho 22 ngày. Trong đó:

- Hệ số lao động theo ngày cho các chức danh thực hiện xây dựng Đề án (cơ sở tính tiền công lao động trực tiếp)

STT	Chức danh	Hệ số lao động (H_{CD})
1	Chủ nhiệm	1,0
2	Thư ký	0,3
3	Thành viên chính	0,8
4	Thành viên	0,4
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp cho các chức danh chủ nhiệm, thư ký, thành viên chính, thành viên)	0,2

Một cá nhân có thể tham gia nhiều nội dung, công việc nghiên cứu với các chức danh khác nhau. Thù lao của cá nhân trong nội dung, công việc nghiên cứu được tính theo hệ số lao động của chức danh tương ứng và thời gian cá nhân thực hiện nội dung, công việc nghiên cứu đó.

- Định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm thực hiện xây dựng Đề án (DM_{CN}) tối đa không quá 20 triệu đồng/người/tháng; mức chi thù lao của các chức danh hoặc nhóm chức danh khác tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm Đề án.

- Dự toán chi thù lao tham gia xây dựng Đề án của các chức danh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 4 Quy định này được tính theo công thức sau:

$$+ \text{Đối với chủ nhiệm và thư ký Đề án: } TL_{CN/TK} = H_{CD} \times DM_{CN} \times 20\% \times T$$

Trong đó:

H_{CD} : Hệ số lao động theo ngày cho các chức danh thực hiện xây dựng Đề án.

DM_{CN} : Định mức chi thù lao đối với chức danh thực hiện xây dựng Đề án.

T : Tổng thời gian thực hiện xây dựng Đề án (tháng)

$$+ \text{Đối với nhóm chức danh còn lại: } TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times \Sigma t_{NCD}$$

Trong đó:

H_{CD} : Hệ số lao động theo ngày cho nhóm chức danh thực hiện xây dựng Đề án

DM_{CD} : Định mức chi thù lao đối với nhóm chức danh thực hiện xây dựng Đề án

Σt_{NCD} : Tổng số tháng quy đổi tham gia thực hiện xây dựng Đề án của nhóm chức danh.

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện Đề án (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày). Tổng dự toán kinh phí thực hiện không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện xây dựng Đề án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quy định này.

2. Chi thuê chuyên gia tư vấn (trong trường hợp cần thiết):

a) Chuyên gia tư vấn trong nước: Tổng dự toán kinh phí thực hiện không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh và thuê lao động thực hiện xây dựng Đề án quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này.

b) Chuyên gia tư vấn nước ngoài: Tổng dự toán kinh phí thực hiện không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh và thuê lao động thực hiện xây dựng Đề án quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này.

3. Chi thù lao tham gia hội thảo, diễn đàn, tọa đàm

a) Người chủ trì: 1.000.000 đồng/buổi.

b) Thư ký: 250.000 đồng/buổi.

c) Báo cáo viên trình bày hội thảo, tọa đàm, diễn đàn: 1.500.000 đồng/báo cáo.

d) Báo cáo được cơ quan tổ chức hội thảo, tọa đàm đề nghị viết nhưng không trình bày tại hội thảo: 750.000 đồng/báo cáo.

đ) Thành viên tham gia: 150.000 đồng/thành viên/buổi.

4. Chi đánh giá, nghiệm thu chính thức Đề án

a) Chi hợp Hội đồng nghiệm thu

- Chủ tịch Hội đồng: 900.000 đồng/người/Đề án.

- Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng: 750.000 đồng/người/Đề án.

- Thư ký: 150.000 đồng/người/Đề án.

- Đại biểu được mời tham dự: 100.000 đồng/người/Đề án.

b) Chi nhận xét đánh giá

- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng: 350.000 đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá.

- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng: 500.000 đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước bố trí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm phê duyệt danh mục và khái toán kinh phí xây dựng Đề án phát triển kinh tế xã hội của thành phố, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách, làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện xây dựng đề cương chi tiết và dự toán kinh phí lập Đề án trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Đối với Văn phòng Thành ủy và các Ban thuộc Thành ủy Đà Nẵng, Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố và các Ban thuộc Hội đồng nhân dân thành phố khi xây dựng Đề án, ngoài việc thực hiện theo các quy định của Trung ương Đảng, Thành ủy và Hội đồng nhân dân thành phố, có thể áp dụng nội dung, mức chi quy định tại Nghị quyết này để thực hiện xây dựng Đề án phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

QUY ĐỊNH SỐ 02
NỘI DUNG, MỨC CHI BỒI DƯỠNG CHO LỰC LƯỢNG THAM GIA
BẢO ĐẢM AN NINH TRẬT TỰ, HỖ TRỢ PHỤC VỤ TẠI CÁC SỰ KIỆN
CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA, XÃ HỘI VÀ CÁC SỰ KIỆN KHÁC
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung, mức chi bồi dưỡng cho lực lượng tham gia bảo đảm an ninh trật tự, hỗ trợ phục vụ tại các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội và các sự kiện khác (sau đây gọi tắt là sự kiện của thành phố) trên địa bàn thành phố theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Lực lượng công an, quân đội và các lực lượng phối hợp khác không hưởng lương ngân sách nhà nước.
2. Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Điều 3. Nội dung, mức chi

1. Nội dung chi: Chi bồi dưỡng cho lực lượng tham gia bảo đảm an ninh trật tự, hỗ trợ phục vụ tại các sự kiện của thành phố theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.
2. Mức chi: 100.000 đồng/người/ngày.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước bố trí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.
2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức chi bồi dưỡng đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ và không trùng lặp giữa các cấp ngân sách.

QUY ĐỊNH SỐ 03
NỘI DUNG, MỨC CHI HỖ TRỢ CHẾ ĐỘ THAI SẢN CHO ĐỐI TƯỢNG
NỮ LÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH PHƯỜNG,
XÃ KHI SINH CON

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã có thời gian làm việc từ đủ 01 năm trở lên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã có thời gian làm việc từ đủ 01 năm trở lên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Nội dung, mức chi

1. Nội dung chi: Chi hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã có thời gian làm việc từ đủ 01 năm trở lên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Mức chi: 08 tháng lương cơ sở.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước bố trí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.